Ký bởi: Ủy ban Nhân dân huyện Nga Sơn
Email: ngason@thanhhoa.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Thanh Hóa
Thời gian ký: 27.03.2019 09:34:02 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN NGA SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 54 /KH-UBND	*Nga Sơn, ngày 27 tháng 3 năm 2019*

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NĂM HỌC 2019-2020

I. Đánh giá tình hình ước thực hiện kế hoạch năm học 2018 – 2019

1. Thực trạng phát triển giáo dục và đào tạo của huyện:

- Quy mô phát triển trường lớp ổn định, năm học 2018- 2019 bậc học Mầm non thực hiện 27 trường, 270 nhóm, lớp với 7653 cháu, tăng hơn năm học trước 77 cháu, tiểu học thực hiện 27 trường, THCS thực hiện 25 trường; TH&THCS 2 trường.Trong đó TH: 352 lớp, 10309 học sinh, tăng 600 học sinh so với năm học trước, bậc THCS : 216 lớp, 7302 học sinh giảm 392 học sinh so với năm học trước.

- Tình hình thực hiện quyết định 5308/ 2015/QĐ-UBND:

Khi triển khai sáp nhập theo quyết định 5308/ 2015/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thanh Hóa không nhận được sự ủng hộ của nhân dân. Ủy ban nhân dân huyện Nga Sơn đã xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch số: 118/KH-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2017 và phương án số 06/PA-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2018. Theo đó những xã có trường THCS dưới 8 lớp được đưa vào lộ trình sáp nhập, đến thời điểm hiện tại đã sáp nhập được 3 trường tiểu học và 3 trường THCS thành 3 trường liên cấp, theo lộ trình sẽ hoàn thành việc sáp nhập vào năm 2020. Tuy nhiên, việc sáp nhập các trường càng gặp khó khăn, bất cập khi thực hiện sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã theo Nghị quyết 37-NQ/TW của Bộ chính trị và Kế hoạch số 58/KH-UBND của UBND tỉnh Thanh Hóa

- Tỷ lệ huy động trẻ đầu cấp đến trường học đạt tỷ lệ tương đối cao cụ thể là: bậc học Mầm non số cháu nhà trẻ đến lớp 1348/3797 cháu chiếm 35.5%, số cháu mẫu giáo cháu 5 tuổi đến lớp đạt 100%, bậc tiểu học huy động ra lớp đầu cấp đạt 100%, học sinh lớp 5 lên lớp 6 đạt 100%.

- Chỉ tiêu PCGD được duy trì bền vững: 27/27 xã đạt chuẩn phổ cập mầm non cho trẻ 5 tuổi; 27/27 xã đạt chuẩn phổ cập tiểu học mức độ 3; 27/27 xã đạt chuẩn phổ cập THCS trong đó 26/27 xã đạt mức độ 3, 1/27 xã đạt mức độ 2; 27/27 đơn vị đạt chuẩn xóa mù mức độ 2.

- Kết quả xây dựng trường chuẩn trong năm học 2018: Bậc Mầm non: có 03 trường (MN Nga Nhân, MN Nga Thủy, MN Nga Tân); Bậc THCS : 1 trường (THCS Chu Văn An). Như vậy đến thời điểm này số trường đạt chuẩn của các bậc học là Mầm non 22/27 trường, đạt 81,48%, tiểu học 29/29 trường, đạt 100%; THCS 20/ 27 trường, đạt 74,07%, THPT 1/4 trường đạt 25%.

-Tình hình cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học: Tất các các trường trong huyện đã được xây kiên cố, tỷ lệ phòng học kiên cố cao, trong đó bậc học mầm non có 219/233 phòng. Bậc tiểu học có 352/356, bậc THCS có 230/241 phòng. Ủy ban nhân dân huyện và các địa phương tiếp tục huy động các nguồn lực để tu sửa, xây dựng cơ sở vật chất đáp ứng việc dạy học tại các nhà trường.

- Việc tuyển sinh đầu cấp thực hiện đúng quy định.

- Chất lượng dạy học, chất lượng đại trà và chất lượng mũi nhọn đều đạt yêu

cầu. Công tác điều tra xóa mù chữ được thực hiện hàng năm, việc dạy ngoại ngữ đã phủ kín ở tất cả các trường học bậc TH và THCS.

- Đội ngũ cán bộ quản lý, đảm bảo về chất lượng, đạt chuẩn 100% trở lên, tỷ lệ trên chuẩn cao. (Bậc học mầm non 272/362 giáo viên trên chuẩn đạt 75%, bậc tiểu học 410/487 giáo viên trên chuẩn đạt 84.1%, bậc THCS 430/538 giáo viên trên chuẩn đạt 80%.)

- Huyện Nga Sơn đã chi trả đầy đủ chế độ cho giáo viên và học sinh trong năm 2018, phụ cấp thâm niên, chế độ trợ cấp bãi ngang cho vùng ven biển, chế độ miễn giảm học phí, chế độ bù ăn trưa cho các cháu mầm non theo qui định hiện hành của Nhà nước.

- Các khoản thu, chi trong trường học được thực hiện nghiêm túc, tỷ lệ chi khác đảm bảo 10%.

- Việc thực hiện xã hội hóa huy động các nguồn tài chính, thu chi ngoài ngân sách, dạy thêm, học thêm được thực hiện đúng quy định

2. Nhận định tổng quát về thực trạng.

- Nhữngng thành tựu

+ Quy mô phát triển tương đối đồng đều, số trường ổn định trong những năm qua với: 27 trường MN, 24 trường TH, 23 trường THCS, 5 trường TH&THCS; 01 TTGDTX, 03 trường THPT, mạng lưới trường sẽ ổn định trong những năm tiếp theo .

+Từ năm học 2019-2020 và những năm tiếp theo các bậc học sẽ có số lớp, số học sinh sẽ ổn định hơn.

+ Cơ sở vật chất trong những năm qua được tăng cường, hầu hết các trường đều kiên cố hoá các phòng học, phòng phục vụ học tập. Khu hiệu bộ và các công trình kiến trúc khác song so với nhu cầu vẫn phải tiếp tục xây dựng, tu bổ hoàn thiện hơn.

+Số trường chuẩn, thư viện chuẩn hàng năm được đầu tư xây dựng, kiểm tra công nhận chuẩn tăng lên từ 3 đến 5 trường trên năm.

+Phổ cập giáo dục đúng độ tuổi ở TH được duy trì, tỷ lệ phổ cập THCS hàng năm được nâng lên với tỷ lệ năm sau cao hơn năm trước, huy động số cháu MN ra lớp tỷ lệ hàng năm tăng lên 2-3%, đặc biệt số cháu 5 tuổi ra lớp đạt 100 %, phổ cập bậc học mầm non tiếp tục duy trì. Số học sinh tuyển sinh đầu cấp bậc TH = 100% học sinh 6 tuổi, THCS trên 99% học sinh tốt nghiệp TH ra học lớp 6; THPT theo tỷ lệ tỉnh giao

+Chất lượng dạy, chất lượng học của học sinh và giáo viên được đánh giá thực chất, hiệu quả đào tạo ngày một tốt hơn.

+Chất lượng giáo dục, chất lượng đại trà và chất lượng mũi nhọn tăng lên hàng năm, số học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt trên 99 %, học sinh đạt giải qua kỳ thi học sinh giỏi huyện, giỏi tỉnh được duy trì.

- Một số khó khăn, hạn chế và nguyên nhân:

+ Đội ngũ CBGV trong những năm qua đối với bậc THCS ổn định về số lượng nhưng không đồng bộ về cơ cấu bộ môn, việc phân công giảng dạy còn gặp khó khăn, có bộ môn thừa, bộ môn thiếu ở mỗi trường, chất lượng đội ngũ không đồng đều, một số trường THCS quy mô quá nhỏ rất khó cho việc sắp xếp bố trí đội ngũ. Đặc biệt, việc điều chuyển giáo viên giữa các cấp học ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục của địa phương. Giáo viên Mầm non thiếu nhiều so với nhu cầu (mới đạt 70% so với nhu cầu và biên chế tỉnh giao)

+ CSVC được tăng cường cơ bản đáp ứng được yêu cầu, còn 30 phòng học cấp 4 cần được xây dựng thay thế trong những năm tới, các công trình khác như sân chơi, bãi tập, công trình vệ sinh... được đầu tư bổ sung hàng năm nhưng vẫn còn thiếu so với yêu cầu nhiệm vụ năm học.

- Đánh giá chung: sự nghiệp giáo dục huyện Nga Sơn trong năm qua và trong năm tới tiếp tục ổn định, giữ vững và phát triển đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ của ngành Giáo dục và Đào tạo.

II. Kế hoạch phát triển giáo dục Đào tạo năm học 2019 - 2020

1. Căn cứ xây dựng kế hoạch

Quyết định số 5308/ 2015/QĐ-UBND ngày 16/12/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc quy định sắp xếp các trường mầm non, tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông có nhiều cấp học hiện có trên tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020.

Quyết định số 3185/QĐ-UBND ngày 23/8/2016 của chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc quy định mức bình quân học sinh/ lớp và định mức biên chế cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên hành chính các trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở công lập trên địa bàn tỉnh.

Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 06/6/2011 về việc phê duyệt kế hoạch dạy và học tiếng Anh cấp tiểu học giai đoạn 2011 - 2020.

Công văn số 59/SGS&ĐT-KHTC NGÀY 10/01/2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo về triển khai thực hiện nghị quyết số 103/2017/NQ-HĐND và xây dựng kế hoạch tuyển sinh năm học 2018-2019.

Tình hình thực tế tại địa phương.

2. Nội dung kế hoạch phát triển giáo dục năm học 2019 - 2020.

2.1. Mục tiêu chỉ tiêu kế hoạch.

- Củng cố vững chắc PCGD tiểu học đúng độ tuổi, tiếp tục thực hiện tốt PCGD THCS, PCMN với những chỉ số cao hơn, bền vững hơn, huy động trên 80% học sinh có nhu cầu tiếp tục theo học chương trình THPT và BT-THPT.

- Hiện tại có 27 trường MN, 27 trường TH, 25 trường THCS, 2 trường TH – THCS;1 TTGDTX, 03 trường THPT. Đây là quy hoạch cơ bản ổn định cho những năm tiếp theo. Trong số học sinh tốt nghiệp THCS có 70% số học sinh theo học THPT, trên 2% học BT-THPT số còn lại học nghề và tham gia lao động nông nghiệp tại địa phương hoặc chuyển đến các huyện khác, tỉnh khác tìm việc làm. Từ năm học 2019-2020 số học sinh tốt nghiệp THCS khoảng 1900 - 2000 HS sau đó sẽ giảm nhẹ xuống 1750-1900 HS vào những năm sau 2020.

2.2. Kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị trường học.

Xác định số phòng học, phòng phục vụ học tập, phòng bộ môn, các công trình phụ trợ cần xây dựng, đầu tư nâng cấp ở từng cấp học theo hướng từng bước xây dựng cơ sở vật chất trường học đạt chuẩn Quốc gia trên cơ sở khả năng huy động các nguồn vốn.

Kế hoạch mua sắm bổ sung và thay thế thiết bị dạy học ở giáo dục mầm non, phổ thông và các cơ sở đào tạo, ưu tiên thiết bị giáo dục mầm non để đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi và trang thiết bị đáp ứng yêu cầu thực hiện dự án tăng cường dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân.

2.3. kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia các cấp học: mầm non, phổ thông theo các tiêu chí của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh giao trong năm 2019.

- Phong trào xây dựng trường chuẩn Quốc gia tiếp tục được đẩy mạnh, tăng thêm 3: trường 1 trường MN và 02 trường THCS, THPT 1 trường; đạt 74/82 = 88% trường đạt chuẩn

(Tính đến hiện nay đã có 22/27 trường MN đạt chuẩn , 27/27 trường TH đạt chuẩn, 02/02 trường TH&THCS; 18/25 trường THCS đó đạt chuẩn , 1/4 trường THPT đạt chuẩn Quốc gia).

- Phong trào xây dựng thư viện đạt chuẩn tiếp tục được đẩy mạnh, hiện tại có 29/29 trường tiểu học, 17/27 trường THCS đạt thư viện tiên tiến, 3/4 trường THPT phấn đấu hàng năm có thêm từ 3 - 5 trường được Sở GD & ĐT công nhận thư viện tiên tiến.

2.4. Kế hoạch tài chính.

Trên cơ sở kế hoạch phát triển giáo dục, đào tạo năm học 2019 - 2020 và các định mức, chế độ, chính sách hiện hành; Phòng Giáo dục và Đào tạo phối hợp với phòng Tài chính - Kế hoạch để hướng dẫn thực hiện dự toán được giao năm 2019 và xây dựng kế hoạch tài chính năm 2020 đảm bảo tỷ lệ chi khác đạt 10%.

Đối với chi đầu tư phát triển giáo dục đào tạo: các địa phương căn cứ vào nhu cầu đầu tư để sử dụng nguồn ngân sách của địa phương và nguồn vốn đầu tư của tỉnh để hoàn thành các công trình dự án đảm bảo đúng tiến độ giải ngân và kế hoạch thời gian đưa công trình vào sử dụng.

2.5. Đề xuất các biện pháp, giải pháp:

Để tổ chức thực hiện kế hoạch năm học 2019 - 2020 đạt kết quả, cần xây dựng các biện pháp, giải pháp phát triển cụ thể; phân công, phân cấp trách nhiệm rõ ràng để làm cơ sở cho việc kiểm tra, giám sát và đánh giá kế hoạch; cần tập trung vào các nhóm biện pháp, giải:

Biện pháp, giải pháp đặc thù, phù hợp với thực tế của địa phương để đảm bảo tiêu chí về số lượng và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo.

Đảm bảo huy động đủ, duy trì, phát triển và sử dụng có hiệu quả các điều kiện cân đối cho thực hiện kế hoạch: đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; các nguồn lực tài chính.

Bảo đảm các chính sách phát triển giáo dục, đào tạo của Nhà nước, đẩy mạnh xã hội hóa trong phát triển giáo dục.

Biện pháp quản lý (tổ chức, chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát việc thực hiện)

2.6. Kiến nghị, đề xuất

- Kiến nghị với UBND tỉnh, Sở Giáo dục & Đào tạo tiếp tục đầu tư CSVC trường học về thiết bị đồ dùng dạy học và nguồn vốn xây dựng cơ bản để kiên cố hoá trường lớp học, tuyển bổ sung thêm giáo viên mầm non còn thiếu đảm bảo yêu cầu chuẩn, đáp ứng tốt cho nhu cầu học tập và phá triển sự nghiệp Giáo dục trong huyện.

***Nơi nhận*:**
- SGD&ĐT Thanh Hóa;
- Lưu: VT.

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Đình Hiếu

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NGA SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 1: BÁO CÁO ĐẦU NĂM BẬC MẦM NON NĂM HỌC 2018-2019

TT	Trường mầm non	Trường chuẩn QG	Số điểm trường	Nhóm, lớp								Trẻ em										Số phòng học đang sử dụng	
				TS nhóm, lớp	Nhóm trẻ			Lớp mẫu giáo				Tổng số trẻ	Trẻ em nhà trẻ				Trẻ em mẫu giáo						
					Tổng số nhóm trẻ	Trong tổng số		Tổng số lớp mẫu giáo	Trong tổng số		Lớp 5 tuổi		Tổng số trẻ nhà trẻ	Chia ra			Tổng số trẻ mẫu giáo	Chia ra				Tổng số	Trong đó: kiên cố
						bán trú (ăn trưa)	không bán trú		bán trú (ăn trưa)	không bán trú				Dân tộc	Học 2 buổi/ngày	bán trú (ăn trưa)		Dân tộc	Mẫu giáo 5 tuổi	Học 2 buổi/ngày	bán trú (ăn trưa)		
A	*B*	*C*	*D*	*1=2+5*	*2=3+4*	*3*	*4*	*5=6+7*	*6*	*7*	*8*	*9=10+14*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*
	Tổng cộng:	19	30	270	79	79	0	191	191	0	67	7,653	1,348	10	1,348	1,348	6,305	0	2,236	6,036	6,036	233	216
1	MN Nga An	1	1	12	4	4	0	8	8	0	3	305	60	0	60	60	245	0	95	245	245	10	10
2	MN Ba Đình	1	1	10	4	4	0	6	6	0	2	278	52	0	52	52	226	0	82	219	219	8	8
3	MN Nga Bạch		1	13	3	3		10	10		4	416	49	0	49	49	367	0	124	356	356	10	6
4	MN Nga Điền	1	2	11	2	2		9	9		3	358	46	9	46	46	312	0	103	312	312	11	11
5	MN Nga Giáp	1	1	9	3	3		6	6		2	246	50	0	50	50	196	0	74	196	196	9	9
6	MN Nga Hải	1	1	10	2	2		8	8		2	256	46	0	46	46	210	0	68	197	197	9	9
7	MN Nga Hưng	1	1	10	4	4		6	6		2	262	59	0	59	59	203	0	72	214	214	5	5
8	MN Nga Liên	1	2	13	3	3		10	10		4	415	75	1	75	75	340		124	340	340	12	12
9	MN Nga Lĩnh	1	1	10	3	3		7	7		2	265	50		50	50	215		74	218	218	8	8
10	MN Nga Mỹ	1	1	10	3	3		7	7		2	246	49	0	49	49	197	0	83	197	197	7	7
11	MN Nga Nhân		1	10	3	3		7	7		2	258	52	0	52	52	206	0	60	206	206	8	8
12	MN Nga Phú	1	2	9	2	2		7	7		2	299	35		35	35	264		60	258	258	8	8
13	MN Nga Tân		1	12	3	3		9	9		3	308	45	0	45	45	263	0	90	263	263	12	10
14	MN Nga Thạch	1	1	9	3	3		6	6		2	279	54		54	54	225	0	76	225	225	16	8
15	MN Nga Thái	1	1	10	2	2		8	8		4	309	37	0	37	37	272	0	120	272	272	10	8
16	MN Nga Thắng	1	1	9	3	3		6	6		2	224	47	0	47	47	177	0	59	169	169	5	5
17	MN Nga Thanh		1	10	3	3		7	7		2	272	52	0	52	52	220	0	84	0	0	6	6
18	MN Nga Thành	1	1	10	4	4		6	6		2	287	65	0	65	65	222	0	72	210	210	10	9
19	MN Thị Trấn	1	1	10	3	3		7	7		3	290	54	0	54	54	236	0	107	236	236	10	10
20	MN Nga Thiện		1	9	3	3		6	6		3	265	53	0	53	53	212	0	62	211	211	5	5
21	MN Nga Thủy		1	9	2	2		7	7		3	272	39	0	39	39	233	0	84	225	225	9	9
22	MN Nga Tiến	1	1	9	3	3		6	6		2	270	44	0	44	44	226	0	86	222	222	9	9
23	MN Nga Trung	1	1	10	3	3		7	7		2	254	45	0	45	45	209	0	76	209	209	5	5
24	MN Nga Trường		1	9	3	3		6	6		2	225	45	0	45	45	180	0	70	187	187	8	8
25	MN Nga Văn	1	1	9	3	3		6	6		2	284	56		56	56	228		82	228	228	9	9
26	MN Nga Vịnh		1	8	2	2		6	6		2	225	44	0	44	44	181	0	59	181	181	5	5
27	MN Nga Yên	1	1	10	3	3		7	7		3	285	45	0	45	45	240	0	90	240	240	9	9

Nga Sơn, ngày 26 tháng 3 năm 2019

NGƯỜI LẬP

Dương Thị Bích

TRƯỞNG PHÒNG

Phạm Đức Anh

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đinh Hiếu

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NGA SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 2: BÁO CÁO ĐẦU NĂM CẤP TIỂU HỌC NĂM HỌC 2018-2019

TT	Tên trường	Trường đạt chuẩn	Số điểm trường	Tổng số		Trong đó										Lớp ghép	Lớp học 2 buổi ngày		Học sinh dân tộc	Tuyển mới lớp 1	Số phòng học đang sử dụng	
						Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5							Tổng số	Trong đó: kiên cố
				Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh		Số lớp	Số học sinh				
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	14	16	17		
	Tổng cộng:	29	30	352	10,309	83	2,630	69	1,992	65	1,829	69	2,043	66	1,815	0	103	2,989	20	2,602	356	352
1	TH Nga An	1	1	16	504	4	130	3	94	3	92	3	100	3	88		0		1	130	16	16
2	TH Ba Đình	1	1	11	319	3	79	2	67	2	52	2	67	2	54		11	318	1	77	11	11
3	TH Nga Bạch	1	1	18	590	4	138	3	100	3	110	4	125	4	117					137	19	19
4	TH Nga Điền 1	1	1	10	311	2	75	2	58	2	63	2	59	2	56		0		0	74	10	10
5	TH Nga Điền 2	1	1	10	329	2	70	2	60	2	75	2	60	2	64		0		2	68	10	10
6	TH Nga Giáp	1	1	12	357	3	100	2	61	2	57	2	66	3	73		5	163		101	12	12
7	TH Nga Hải	1	1	11	336	3	92	2	64	2	51	2	72	2	57		11	335	6	91	11	11
8	TH Nga Hưng	1	1	10	270	2	69	2	50	2	46	2	57	2	48		0			69	10	10
9	TH Nga Liên 1	1	1	15	438	3	112	3	79	3	83	3	78	3	86		0		1	110	15	15
10	TH Nga Liên 2	1	1	10	268	2	62	2	48	2	60	2	51	2	47		0		0	62	10	10
11	TH Nga Lĩnh	1	1	11	287	3	91	2	51	2	53	2	51	2	41					89	10	10
12	TH Nga Mỹ	1	1	10	287	2	78	2	57	2	55	2	48	2	49		0		0	78	10	10
13	TH Nga Nhân	1	1	9	272	2	68	2	48	2	51	2	69	1	36		3	102		67	9	9
14	TH Nga Phú	1	2	15	447	4	116	3	90	3	97	3	73	2	71					113	15	15
15	TH Nga Tân	1	1	15	417	3	105	3	73	3	69	3	84	3	86				1	102	15	15
16	TH Nga Thạch	1	1	11	327	3	88	2	72	2	54	2	69	2	44		6	184	0	85	11	11
17	TH Nga Thái	1	1	18	542	4	131	3	95	4	111	4	115	3	90		0		0	132	20	16
18	TH Nga Thắng	1	1	8	216	2	55	2	49	1	34	1	37	2	41				3	55	10	10
19	TH Nga Thanh	1	1	12	357	3	96	3	71	2	56	2	66	2	68					94	13	13
20	TH Nga Thành	1	1	11	323	3	74	2	71	2	58	2	59	2	61		0			74	11	11
21	TH Thị Trấn	1	1	18	599	4	147	4	118	3	95	4	135	3	104		0		0	149	16	16
22	TH Nga Thiện	1	1	10	306	2	66	2	61	2	56	2	56	2	67		10	306	1	64	10	10
23	TH Nga Thuỷ	1	1	14	379	3	92	3	77	2	54	3	83	3	73		14	379		87	14	14
24	TH Nga Tiến	1	1	10	313	2	77	2	64	2	66	2	52	2	54		10	313	0	77	10	10
25	TH Nga Trung	1	1	11	304	3	91	2	48	2	48	2	69	2	48		11	303	0	90	12	12
26	TH Nga Trường	1	1	11	295	3	77	2	71	2	52	2	50	2	45		11	296		76	11	11
27	TH Nga Văn	1	1	11	289	3	77	2	67	2	42	2	54	2	49		0		4	78	11	11
28	TH Nga Vịnh	1	1	11	290	3	83	2	50	2	45	2	58	2	54		11	290	0	83	11	11
29	TH Nga Yên	1	1	13	337	3	91	3	78	2	44	3	80	2	44		0			90	13	13

Nga Sơn, ngày 26 tháng 3năm 2019

NGƯỜI LẬP

Dương Thị Bích

TRƯỞNG PHÒNG

Phạm Đức Anh

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Mai Đình Hiếu

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NGA SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 3: BÁO CÁO ĐẦU NĂM CẤP THCS NĂM HỌC 2018-2019

tt	Tên trường	Trường đạt chuẩn	Số điểm trường	Tổng số		Trong đó								Số lớp bán trú	Số HS bán trú	Lớp học 2 buổi ngày		Học sinh dân tộc	Tuyển mới lớp 6
						Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9							
				Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh			Số lớp	Số học sinh		
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Tổng cộng:	19	27	216	7,302	56	1.940	54	1.803	50	1,748	56	1,811	0	0	0	0	7	1,897
1	THCS Nga An	1	1	8	310	2	86	2	59	2	80	2	85	0	0			0	86
2	THCS Ba Đình		1	8	216	2	50	2	56	2	55	2	55	0	0			0	49
3	THCS Nga Bạch	1	1	10	388	3	120	2	82	2	85	3	101	0	0			0	84
4	THCS Nga Điền		1	12	452	3	108	3	117	3	115	3	112	0	0			1	108
5	THCS Nga Giáp	1	1	8	225	2	63	2	47	2	60	2	55	0	0				63
6	THCS Nga Hải		1	8	224	2	64	2	56	2	46	2	58	0	0			1	64
7	THCS Nga Hưng	1	1	4	136	1	36	1	37	1	33	1	30	0	0				35
8	THCS Nga Liên	1	1	12	487	3	123	3	124	3	119	3	121	0	0			0	121
9	THCS Nga Lĩnh	1	1	8	216	2	60	2	51	2	54	2	51	0	0			0	58
10	THCS Nga Mỹ	1	1	4	133	1	35	1	26	1	32	1	40	0	0			0	36
11	THCS Nga Nhân	1	1	7	193	2	52	2	57	1	36	2	48	0	0			0	52
12	THCS Nga Phú	1	1	10	347	3	98	3	92	2	82	2	75	0	0			0	98
13	THCS Nga Tân		1	11	372	2	75	3	103	3	101	3	93	0	0			0	75
14	THCS Nga Thạch	1	1	8	239	2	61	2	62	2	61	2	55	0	0			1	62
15	THCS Nga Thái	1	1	12	455	3	130	3	102	3	118	3	105	0	0				130
16	THCS Nga Thắng	1	1	4	136	1	30	1	45	1	32	1	29	0	0			0	30
17	THCS Nga Thanh		1	8	270	2	80	2	70	2	60	2	60	0	0			0	80
18	THCS Nga Thành	1	1	7	211	2	54	2	53	1	43	2	61	0	0				54
19	THCS Nga Thiện		1	6	185	2	54	1	38	1	42	2	51	0	0			0	54
20	THCS Nga Thủy	1	1	8	312	2	81	2	78	2	69	2	84	0	0			0	80
21	THCS Nga Tiến		1	8	256	2	63	2	58	2	70	2	65	0	0			0	62
22	THCS Nga Trung	1	1	7	198	2	48	2	51	1	40	2	59	0	0				47
23	THCS Nga Trường	1	1	4	167	1	41	1	38	1	43	1	45	0	0			1	41
24	THCS Nga Văn	1	1	6	200	2	56	1	43	2	56	1	45	0	0			0	57
25	THCS Nga Vịnh	1	1	6	192	2	53	1	44	1	44	2	51	0	0			0	52
26	THCS Nga Yên	1	1	6	161	1	35	2	45	1	36	2	45	0	0			2	35
27	THCS CVA		1	16	621	4	184	4	169	4	136	4	132	0	0			1	184

Nga Sơn, ngày 26 tháng 3 năm 2019

NGƯỜI LẬP

Dương Thi Bích

TRƯỞNG PHÒNG

Phạm Đức Anh

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Mai Đình Hiếu

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NGA SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phục lục 4: BÁO CÁO ĐẦU NĂM CẤP THPT,GDTX NĂM HỌC 2018-2019

TT	Tên trường	Loại hình	Tổng số		Trong đó						Học sinh dân tộc	Tuyển mới lớp 10
					Lớp 10		Lớp 11		Lớp 12			
			Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh		
	Tổng cộng:		112	4,546	36	1,559	38	1,525	38	1,462	0	4,665
	Trường THPT		110	4,534	36	1,559	37	1,519	37	1,456	0	1,555
I	**Trường Công lập**											
1	THPT Mai Anh Tuấn	I	30	1,265	10	425	10	418	10	422		422
2	THPT Ba Đình	I	32	1,361	10	456	11	459	11	446		459
3	THPT Trần Phú	II	24	951	8	338	8	318	8	295		338
4	THPT Nga Sơn	II	24	957	8	340	8	324	8	293		336
	Tổng cộng		**110**	**4,534**	**36**	**1,559**	**37**	**1,519**	**37**	**1,456**	**0**	**1,555**
II	**Trung tâm GDTX**		**2**	**12**	**0**	**0**	**1**	**6**	**1**	**6**		0

Nga Sơn, ngày 26 tháng 3 năm 2019

NGƯỜI LẬP

Dương Thị Bích

TRƯỞNG PHÒNG

Phạm Đức Anh

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đinh Hiếu

KẾ HOẠCH BẬC MẦM NON NĂM HỌC 2019-2020

TT	Trường mầm non	Trường chuẩn QG	Số điểm trường	Nhóm, lớp								Trẻ em										Số phòng học đang sử dụng	
				TS nhóm, lớp	Nhóm trẻ			Lớp mẫu giáo				Tổng số trẻ	Trẻ em nhà trẻ				Trẻ em mẫu giáo					Tổng số	Trong đó: kiên cố
					Tổng số nhóm trẻ	Trong tổng số		Tổng số lớp mẫu giáo	Trong tổng số		Lớp 5 tuổi		Tổng số trẻ nhà trẻ	Chia ra			Tổng số trẻ mẫu giáo	Chia ra			bán trú (ăn trưa)		
						bán trú (ăn trưa)	không bán trú		bán trú (ăn trưa)	không bán trú				Dân tộc	Học 2 buổi/ngày	bán trú (ăn trưa)		Dân tộc	Mẫu giáo 5 tuổi	Học 2 buổi/ngày			
A	B	C	D	1=2+5	2=3+4	3	4	5=6+7	6	7	8	9=10+14	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	Tổng cộng:	22	31	292	89	89	6	203	203	4	65	7870	1432	1	1379	1432	6438	5	2311	6340	6340	244	219
1	Mầm non Ba Đình	x	1	14	4	4	0	10	10	0	2	363	58	0	58	58	305	0	49	208	208	10	8
2	Mầm non Nga An	x	1	12	4	4	0	8	8	0	3	305	60	0	60	60	245	0	90	245	245	10	10
3	Mầm non Nga Bạch		1	15	4	4	0	11	11	0	4	411	60	0	60	60	351	0	139	351	351	11	6
4	Mầm non Nga Điền	x	2	12	3	3	0	9	9	0	3	363	48	0	48	48	315	0	121	315	315	11	11
5	Mầm non Nga Giáp	x	1	9	3	3	0	6	6	0	2	237	45	0	45	45	192	4	77	192	192	9	8
6	Mầm non Nga Hải	x	1	10	3	3	0	7	7	0	3	278	48	0	48	48	230	0	84	230	230	9	9
7	Mầm non Nga Hưng	x	1	10	4	4	0	6	6	0	2	257	57	0	57	57	200	0	71	200	200	5	5
8	Mầm non Nga Liên	x	2	16	5	5	0	11	11	4	0	415	75	1	75	75	340	0	137	340	340	12	12
9	Mầm non Nga Linh	x	1	10	3	3	0	7	7	0	2	263	50		50	50	213		71	213	213	8	8
10	Mầm non Nga Mỹ	x	1	10	3	3	0	7	7	0	3	250	51		51	51	199		78	199	199	9	7
11	Mầm non Nga Nhân	x	1	9	3	3	0	6	6	0	2	243	55	0	55	55	188	0	67	188	188	8	8
12	Mầm non Nga Phú	x	2	10	2	2	0	8	8	0	3	298	35	0	35	35	263	0	101	263	263	8	8
13	Mầm non Nga Tân	x	1	12	3	3	0	9	9	0	3	320	47	0	47	47	273	0	90	273	273	12	10
14	Mầm non Nga Thạch	x	1	10	3	3	0	7	7	0	2	277	53		53	53	224		80	224	224	8	6
15	Mầm non Nga Thái	x	1	13	3	3	0	10	10	0	4	360	45	0	45	45	315	0	132	315	315	10	8
16	Mầm non Nga Thắng	x	1	8	3	3	6	5	5	0	2	211	47	0	47	47	164	0	50	164	164	8	5
17	Mầm non Nga Thanh		1	11	4	4	0	7	7	0	2	279	60	0	60	60	219	0	83	219	219	9	6
18	Mầm non Nga Thành	x	1	11	4	4	0	7	7	0	2	275	62	0	62	62	213	0	68	213	213	9	9
19	Mầm non Nga Thiện		1	10	3	3	0	7	7	0	2	265	55	0	55	55	210	1	75	210	210	9	9
20	Mầm non Nga Thủy	x	1	9	2	2	0	7	7	0	3	265	40	0	40	40	225	0	93	225	225	9	9
21	Mầm non Nga Tiến	x	1	10	3	3	0	7	7	0	2	278	55	0	55	55	223	0	78	223	223	9	9
22	Mầm non Nga Trung	x	1	10	3	3	0	7	7	0	2	281	55	0	55	55	226	0	82	226	226	5	5
23	Mầm non Nga Trường		1	9	3	3	0	6	6	0	2	240	53	0	53	53	187	0	53	187	187	9	9
24	Mầm non Nga Văn	x	1	9	3	3	0	6	6	0	2	280	53	0	0	53	227	0	73	227	227	9	9
25	Mầm non Nga Vịnh		2	9	3	3	0	6	6	0	2	241	45	0	45	45	196	0	66	195	195	8	5
26	Mầm non Nga Yên	x	1	12	4	4	0	8	8	0	3	320	60	0	60	60	260	0	95	260	260	10	10
27	Mầm non Thị trấn	x	1	12	4	4	0	8	8	0	3	295	60		60	60	235		108	235	235	10	10

Ngày 26 tháng 3 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

Dương Thị Bích

TRƯỞNG PHÒNG

Phạm Đức Anh

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Mai Đình Hiếu

KẾ HOẠCH CẤP TIỂU HỌC NĂM HỌC 2019-2020

tt	Tên trường	Trường đạt chuẩn	Số điểm trường	Tổng số		Trong đó										Lớp ghép	Lớp học 2 buổi ngày		Học sinh dân tộc	Tuyển mới lớp 1	Số phòng học đang sử dụng	
						Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5							Tổng số	Trong đó: kiên cố
				Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh		Số lớp	Số học sinh				
	Tổng cộng:		30	368	10,989	81	2,491	84	2,504	69	1,986	67	1,836	69	2,038	0	185	5,518	19	2,484	382	378
1	TH&THCS Nga Hưng	x	1	10	289	2	67	2	69	2	50	2	46	2	57					67	10	10
2	TH&THCS Nga Mỹ	x	1	11	350	3	110	2	78	2	57	2	55	2	50	0	0		1	110	10	10
3	TH&THCS Nga Thắng	x	1	8	240	2	65	2	55	2	49	2	34	2	37		2	71		65	10	10
4	TH&THCS Nga Văn	x	1	12	323	3	84	3	76	2	67	2	42	2	54		12	323	4	84	11	11
5	TH&THCS Nga Vịnh	x	1	11	296	2	59	3	84	2	50	2	45	2	58		11	296		59	10	10
6	Tiểu học Ba Đình	x	1	12	349	3	84	3	78	2	68	2	52	2	67		12	349		84	12	12
7	Tiểu học Nga An	x	1	17	528	4	112	4	132	3	91	3	94	3	99					112	20	20
8	Tiểu học Nga Bạch	x	1	19	600	4	129	4	138	3	97	4	111	4	125	0	0	0		129	19	19
9	Tiểu học Nga Điền 1	x	1	10	317	2	65	2	73	2	58	2	63	2	58					63	10	10
10	Tiểu học Nga Điền 2	x	1	10	328	2	60	2	69	2	64	2	75	2	60	0	0		2	60	10	10
11	Tiểu học Nga Giáp	x	1	12	359	3	74	3	102	2	60	2	57	2	66		9	285		74	12	12
12	Tiểu học Nga Hải	x	1	12	355	3	77	3	91	2	63	2	52	2	72		12	355	6	77	15	15
13	Tiểu học Nga Liên 1	x	1	16	468	4	115	3	113	3	78	3	83	3	79	0	0		2	115	15	15
14	Tiểu học Nga Liên 2	x	1	10	271	2	50	2	62	2	48	2	60	2	51					50	10	10
15	Tiểu học Nga Lĩnh	x	1	11	317	2	72	3	91	2	51	2	52	2	51		11	317		72	8	8
16	Tiểu học Nga Nhân	x	1	11	321	3	85	2	68	2	48	2	51	2	69		2	120		85	9	9
17	Tiểu học Nga Phú	x	2	15	482	3	103	4	118	3	91	3	97	2	73					103	15	15
18	Tiểu học Nga Tân	x	1	15	420	3	90	3	100	3	74	3	74	3	82		15	420	1	88	15	15
19	Tiểu học Nga Thạch	x	1	11	365	2	78	3	90	2	71	2	56	2	70		11	365	0	78	11	11
20	Tiểu học Nga Thái	x	1	19	598	4	146	4	132	3	95	4	110	4	115	0	0	0		146	24	20
21	Tiểu học Nga Thanh	x	1	13	370	3	84	3	93	3	71	2	56	2	66		13	370		81	14	14
22	Tiểu học Nga Thành	x	1	12	339	3	76	3	77	2	70	2	57	2	59	0			2	76	11	11
23	Tiểu học Nga Thiện	x	1	10	303	2	64	2	66	2	61	2	56	2	56		10	303	1	64	12	12
24	Tiểu học Nga Thủy	x	1	14	388	3	84	3	91	3	78	2	54	3	81		14	388		84	18	18
25	Tiểu học Nga Tiến	x	1	12	360	3	96	3	83	2	63	2	66	2	52		12	360		96	16	16
26	Tiểu học Nga Trung	x	1	12	346	3	90	3	92	2	47	2	48	2	69		12	346		90	12	12
27	Tiểu học Nga Trường	x	1	11	320	2	70	3	77	2	71	2	52	2	50		9	250	0	70	11	11
28	Tiểu học Nga Yên	x	1	14	387	3	95	3	92	3	78	2	44	3	77	0	0			95	14	14
29	Tiểu học Thị trấn	x	1	18	600	3	107	4	14	4	117	3	94	4	135		18	600		107	18	18

Ngày 26 tháng 3 năm 2019

KT.CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

NGƯỜI LẬP BIỂU

Dương Thị Bích

TRƯỞNG PHÒNG

Phạm Đức Anh

Mai Đình Hiếu

KẾ HOẠCH CẤP THCS NĂM HỌC 2019-2020

TT	Tên trường	Trường đạt chuẩn	Số điểm trường	Tổng số		Trong đó								Số lớp bán trú	Số HS bán trú	Lớp học 2 buổi ngày		Học sinh dân tộc	Tuyển mới lớp 6	Số phòng học đang sử dụng	
						Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9									
				Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh			Số lớp	Số học sinh			Tổng số	Trong đó: kiên cố
	Tổng cộng:	20	27	214	7,338	53	1,853	56	1,928	54	1.840	50	1,727	0	0	0	0	5	1,853	239	227
1	THCS &TH Nga Hưng	x	1	4	153	1	47	1	36	1	37	1	33	0	0				47	4	4
2	THCS &TH Nga Mỹ	x	1	5	143	2	50	1	35	1	26	1	32	0	0	0			50	6	6
3	THCS &TH Nga Thắng	x	1	4	147	1	40	1	30	1	45	1	32			0			40	4	4
4	THCS &TH Nga Văn	x	1	7	211	2	56	2	56	1	43	2	56						56	8	8
5	THCS &TH Nga Vịnh	x	1	6	195	2	54	2	53	1	44	1	44	0	0	0			54	6	6
6	THCS Ba Đình	0	1	**8**	**215**	2	54	2	50	2	56	2	55	0	0	0			54	8	8
7	THCS Chu Văn An	x	1	16	638	4	150	4	184	4	169	4	135	0	0			1	150	16	16
8	THCS Nga An	x	1	8	302	2	88	2	73	2	82	2	59	0	0	0			88	8	8
9	THCS Nga Bạch	x	1	10	404	3	117	3	120	2	82	2	85	0	0	0			117	12	12
10	THCS Nga Điền		1	12	461	3	121	3	108	3	117	3	115						121	12	12
11	THCS Nga Giáp	x	1	8	232	2	72	2	63	2	47	2	60						72	10	10
12	THCS Nga Hải		1	8	230	2	56	2	67	2	57	2	50	0	0			2	56	8	8
13	THCS Nga Liên	x	1	12	486	3	120	3	123	3	124	3	119	0	0	0			120	12	12
14	THCS Nga Lĩnh	x	1	7	207	1	42	2	60	2	51	2	54	0		0			42	8	8
15	THCS Nga Nhân	x	1	6	179	1	34	2	52	2	57	1	36	0		0			34	7	7
16	THCS Nga Phú	x	1	10	340	2	70	3	98	3	92	2	80	0		0			70	11	8
17	THCS Nga Tân		1	10	364	2	85	2	75	3	103	3	101	0	0	0			85	11	7
18	THCS Nga Thạch	x	1	7	229	1	45	2	61	2	62	2	61	0	0			1	45	8	8
19	THCS Nga Thái	x	1	12	445	3	97	3	130	3	102	3	116	0	0	0			97	12	12
20	THCS Nga Thanh		1	8	274	2	66	2	80	2	68	2	60			0			66	8	8
21	THCS Nga Thành	x	1	7	211	2	61	2	54	2	53	1	43					1	61	9	9
22	THCS Nga Thiện		1	7	205	2	67	2	55	1	39	1	44	0	0	0			67	10	7
23	THCS Nga Thủy	x	1	8	298	2	70	2	81	2	78	2	69	0	0	0			70	9	9
24	THCS Nga Tiến		1	8	256	2	54	2	63	2	69	2	70	0	0	0			54	9	7
25	THCS Nga Trung	x	1	7	187	2	48	2	48	2	51	1	40						48	7	7
26	THCS Nga Trường	x	1	4	166	1	45	1	38	1	41	1	42						45	8	8
27	THCS Nga Yên	x	1	5	160	1	44	1	35	2	45	1	36						44	8	8

Ngày 26 tháng 3 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

Dương Thị Bích

TRƯỞNG PHÒNG

Phạm Đức Anh

T.CHỦ TỊCH

KT.CHỦ TỊCH

Mai Đình Hiếu

KẾ HOẠCH CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG, BỔ TÚC THPT NĂM HỌC 2019-2020

tt	Tên trường	Loại trường	Tổng số		Trong đó						Học sinh dân tộc	Tuyển mới lớp 10
					Lớp 10		Lớp 11		Lớp 12			
			Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh		
	Tổng cộng		107	4468	33	1389	36	1554	38	1525	0	1389
	Trường THPT		105	4417	32	1344	36	1554	37	1519	0	1344
I	**Trường công lập**											
1	THPT Mai Anh Tuấn	I	37	1553	11	462	13	557	13	534		462
2	THPT Ba Đình	I	38	1619	11	462	13	576	14	581		462
3	THPT Nga Sơn	I	30	1245	10	420	10	421	10	404		420
II	**TTGDTX**		2	51	1	45			1	6		45

Ngày 26 tháng 3 năm 2019

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

NGƯỜI LẬP BIỂU	TRƯỞNG PHÒNG	
Dương Thị Bích	**Phạm Đức Anh**	**Mai Đình Hiếu**

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NĂM HỌC 2019-2020

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2018-2019	Kế hoạch 2019-2020	So sánh (%)	Ghi chú
	a	1	2	3	4=3/2	
I	**Tổng số học sinh**	hs	**29,810**	**30,665**	**103**	
1	**Mầm non**	hs				
	Nhà trẻ	cháu	1,348	1,432	106	
	Mẫu giáo	hs	6,305	6,438	102	
2	**Phổ thông**	hs				
a	***Tiểu học***	hs	10,309	10,989	107	
b	***Trung học cơ sở***	hs	7,302	7,338	100	
	THCS DTNT (Huyện)	hs				
c	***Trung học phổ thông***	hs				
+	Công lập		4,534	4,417	97	
	THPT dân tộc nội trú Tỉnh	hs				
	Học sinh chuyên	hs				
	Trường tư thục					
3	**GDTX- DN (BT VH)**	hs	12	51	425	
II	**Học sinh tuyển mới**	hs				
1	**Vào lớp 1**	hs	2,602	2,484	95	
2	**Vào lớp 6**	hs	1,897	1,853	98	
-	- DT Nội trú	hs				
3	**Vào lớp 10 PT**	hs	1,559	1,344	86	
-	Trong đó: - Công lập:	hs	1,559	1,344	86	
	+ Chuyên	hs				
	+ DT Nội trú	hs				
	- Tư thục	hs				
4	**Vào lớp 10 BTVH**	hs	6	45	750	
III	**Bình quân HS/lớp**					
1	Nhóm trẻ	hs/lớp	17.06	16.	94	
2	Mẫu giáo	hs/lớp	32.01	31.7	99	
3	Khối Tiểu học	hs/lớp	29.29	29.86	102	
4	Khối THCS	hs/lớp	33.8	34.3	101	
5	Khối THPT	hs/lớp	41.26	42.	102	
6	BTVH	hs/lớp	6.	25.5	425	
IV	**Số lớp học**	lớp	956		0	
1	**Số nhóm trẻ**	lớp	79	89	113	
2	**Số lớp mẫu giáo**	lớp	197	203	103	
3	**Số lớp Tiểu học**	lớp	352	368	105	
-	Trong đó: Lớp ghép	lớp	0			
	Tuyển mới đầu cấp	lớp	83	81	98	
4	**Tổng số lớp THCS**	lớp	216	214	99	
-	Trong đó: -DTNT	lớp				
	Tuyển mới đầu cấp		60	56	93	
5	**Tổng số lớp THPT**	lớp	110	105	95	
-	Trong đó: - Công lập:	lớp	110	101	92	
	Tuyển mới đầu cấp		36	32	89	

	+ Chuyên	lớp				
	+ DT Nội trú	lớp				
	Trường tư thục	lớp				
6	**Bổ túc VH ở T/tâm:**	lớp	2	2	100	
V	**Số trường học:**	Trường				
1	**Mầm non:**	Trường	27	27	100	
2	**Tiểu học:**	Trường	27	24	89	
3	**Trung học cơ sở:**	Trường	25	22	88	
4	**Trường TH&THCS**	Trường	2	5	250	
-	Trường DTNT huyện	Trường				
5	**Trung học phổ thông**	Trường	4	3	75	
-	Trong đó: - Công lập:	Trường	4	3	75	
	+ Chuyên	Trường				
	+ DT Nội trú	Trường				
	- Tư thục	Trường				
-	Trong đó: - Hạng 1:	Trường	**2**	3		
	- Hạng 2:	Trường	2			
	- Hạng 3:	Trường	0			
6	**Trường THCS &THPT**	Trường	**0**			
-	Trong đó: - Công lập:	Trường				
	- Tư thục	Trường				
-	Trong đó: - Hạng 1:	Trường				
	- Hạng 2:	Trường				
	Trường TH,THCS &THPT					
7	**Trung tâm GDTX-DN**	TT	**1**	**1**		
8	**Trung tâm KTTH-HN**	TT				

Nga Sơn, Ngày 26 tháng 3 năm 2019

TRƯỞNG PHÒNG

Phạm Đức Anh

KT.CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

[illegible]h Hiếu

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NGA SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 5: DANH MỤC CÁC TRƯỜNG HỌC SẮP XẾP NĂM 2019,2020

Danh mục các trường thuộc diện sắp xếp theo QĐ 5308/2015/QĐ-UBND	Đề nghị điều chỉnh hình thức, năm sắp xếp các trường thuộc QĐ 5308/2015/QĐ-UBND	Danh mục các trường có quy mô nhỏ không thuộc QĐ 5308/2015/QĐ-UBNDđề nghị sắp xếp năm 2019	Danh mục các trường có quy mô nhỏ không thuộc QĐ 5308/2015/QĐ-UBNDđề nghị sắp xếp năm 2020
Năm 2016: Sáp nhập trường liên xã : Nga Thắng với Nga Lĩnh; Nga Thiên với Nga Giáp			
Năm 2017: Sáp nhập trường liên xã : Nga Thành với Nga Hải			
Năm 2018: Sáp nhập trường liên xã : Nga Thanh với Nga Yên; Nga Vịnh với Ba Đình	**Năm 2018** : Sáp nhập Liên cấp TH và THCS trong xã thành trường TH-THCS Nga Hưng, TH và THCS Nga Mỹ		
	Năm 2019: Sáp nhập Liên cấp TH và THCS trong xã thành trường TH-THCS các xã Nga Thắng, Nga Văn, Nga Vịnh		
Năm 2020: Sáp nhập trường liên xã : Nga Thạch với Nga Nhân	**Năm 2020**: Sáp nhập Liên cấp TH và THCS trong xã thành trường TH-THCS các xã Ba Đình, Nga Nhân, Nga Thành, Nga Thiện, Nga Trung, Nga Trường, Nga Yên; Sáp nhập trường TH Nga Điền 1 với TH Nga Điền 2 thành trường TH Nga Điền, trường TH Nga Liên 2 với TH Nga Liên 1 thành trường TH Nga Liên		

Nga Sơn, ngày 26 tháng 3 năm 2018

NGƯỜI LẬP

Dương Thị Bích

TRƯỞNG PHÒNG

Phạm Đức Anh

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đinh Hiếu